TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30-01-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Hiệp;

Ông Triệu Láth.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Phan Ngọc Điểm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 137/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Thu H, sinh năm XX (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp H T, xã NT, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quốc S, sinh năm C (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp N H, xã G H, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng TMCPNT VN.

Trụ sở: Số C đường TQK, phường HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Chí L, chức vụ Giám đốc Ngân hàng TMCPNT VN - Chi nhánh ST (vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ: Số Z đường THĐ, phường ST, thành phố Cần Thơ.

2. Ngân hàng NNNNPTNTVN.

Trụ sở: Số W đường LH, phường BĐ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bạch Quốc V, chức vụ Trưởng Phòng khách hàng Ngân hàng NNNNPTNTVN - Chi nhánh MX (vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ: Số D đường LL, phường MX, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 04 tháng 6 năm 2025 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trịnh Thu H trình bày:

Bà Trịnh Thu H và ông Nguyễn Quốc S đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân Phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng nay là Uỷ ban nhân dân phường Phú Lợi, thàn phố Cần Thơ ngày 09/8/2019. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến. Bà H và ông S đã không còn sống chung với nhau từ tháng 4/2025 đến nay. Nay bà H yêu cầu ly hôn với ông S.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trịnh Quốc D, sinh ngày V/B/N, hiện nay đang sống chung với ông S. Theo đơn khởi kiện bà H yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tuy nhiên tại phiên tòa, do ông S yêu cầu nuôi con nên bà H nhường quyền nuôi con cho ông S.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là xe ô tô tải biển số T; Xe ô tô tải biển số SS; Thửa đất số TT, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.735,8 m^2, toạ lạc ấp LVH, xã NT, thành phố Cần Thơ; Thửa đất số Q, tờ bản đồ số 5, diện tích 298,8 m^2 toạ lạc ấp Tam Hoà, xã Gia Hoà, thành phố Cần Thơ. Về nợ chung: Vợ chồng vay Ngân hàng NNNNPTNTVN số tiền 1.940.000.000 đồng và vay Ngân hàng TMCPNT VN số tiền 400.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà H trình bày phần tài sản chung và nợ chung thì bà và ông S tự thỏa thuận với nhau là giao toàn bộ tài sản và nợ cho ông S, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với việc ông S yêu cầu bà đứng ra đòi số nợ từ cô của bà là bà Trịnh Thị Thu Đào và bà Trịnh Thị Thu Vân thì bà không đồng ý, bà không yêu cầu bà Đào và bà Vân trả nợ. Trường hợp ông S muốn yêu cầu bà Đào và bà Vân trả nợ thì ông S tự yêu cầu.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Quốc S trình bày:

Ông và bà Trịnh Thu H đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân Phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng nay là Uỷ ban nhân dân phường Phú Lợi, thàn phố Cần Thơ ngày 09/8/2019. Trong thời gian chung sống vợ chồng cũng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến. Ông và bà H đã không còn sống chung với nhau từ tháng 4/2025 đến nay. Nay bà H yêu cầu ly hôn với ông thì ông đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trịnh Quốc D, sinh ngày V/B/N, hiện nay đang sống chung với ông. Ông yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Hiện nay bà Trịnh Thị Thu Đào và bà Trịnh Thị Thu Vân là cô ruột bà H có nợ hai vợ chồng số tiền tổng là 500.000.000 đồng, ông yêu cầu bà H đứng ra đòi lại số nợ này để trả cho Ngân hàng NNNNPTNTVN, chứ ông không tự yêu cầu và ông yêu cầu chia cho bà H số nợ 500.000.000 đồng từ số nợ của Ngân hàng NNNNPTNTVN để khi nào bà H đòi được nợ từ bà Đào và bà Vân thì bà H trả cho ngân hàng. Đối với các phần tài sản và nợ khác, ông và bà H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCPNT VN: Ngân hàng TMCPNT VN có đơn yêu cầu độc lập đề ngày 30/7/2025, yêu cầu bà H và ông S có nghĩa vụ liên đới trả số nợ là 201.497.808 đồng. Trường hợp không trả nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tuy nhiên, vào ngày 12/01/2026, Ngân hàng TMCPNT VN có đơn rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng NNNNPTNTVN: Không có yêu cầu gì và yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thu H. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Quốc S. Về con chung: Đề nghị giao cho ông Nguyễn Quốc S được quyền trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Trịnh Quốc D, sinh ngày V/B/N cho đến khi cháu Nguyễn Trịnh Quốc D đủ 18 tuổi. Bà Trịnh Thu H được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Quốc S không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn bà Trịnh Thu H không yêu cầu Toà án giải quyết. Bị đơn ông Nguyễn Quốc S yêu cầu chia nợ chung từ Ngân hàng NNNNPTNTVN nhưng Ngân hàng NNNNPTNTVN không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.Đề nghị đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCPNT VN về việc yêu cầu bà Trịnh Thu H và ông Nguyễn Quốc S có nghĩa vụ liên đới trả số nợ là 201.497.808 đồng và yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ và đề nghị tuyên án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCPNT VN và Ngân hàng NNNNPTNTVN đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm lần thứ hai nhưng vắng mặt, đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thu H và ông Nguyễn Quốc S tự nguyện sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/8/2019 tại Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng nay là Ủy ban nhân dân phường Phú Lợi, thành phố Cần Thơ nên quan hệ hôn nhân giữa bà Trịnh Thu H và ông Nguyễn Quốc S là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà H và ông S đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến. Bà H và ông S đã không còn sống chung với nhau từ tháng 4/2025 đến nay không hàn gắn được dẫn đến bà H kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tại phiên tòa ông S cũng đồng ý ly hôn, cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà H và ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[3] Về con chung: Bà H và ông S có 01 con chung là Nguyễn Trịnh Quốc D, sinh ngày V/B/N, hiện đang sống chung với ông S. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay con chung đang sống chung với ông S, ông S yêu cầu được quyền nuôi con, bà H cũng đồng ý nhường quyền nuôi con cho ông S. Do đó, nhằm để ổn định cuộc sống hiện tại, không làm ảnh hưởng đến tâm lý, việc học của con chung thì cần thiết giao con chung Nguyễn Trịnh Quốc D cho ông S trực tiếp nuôi là phù hợp. Bà H được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông S không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung:

[5.1] Nguyên đơn bà Trịnh Thu H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng NNNNPTNTVN không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCPNT VN có đơn rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, việc rút yêu cầu độc lập là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự và đình chỉ giải quyết đối với những yêu cầu đã rút trên của Ngân hàng TMCPNT VN.

[5.2] Đối với ý kiến của ông S yêu cầu bà H đứng ra đòi số nợ từ bà Trịnh Thị Thu Đào và bà Trịnh Thị Thu Vân với số tiền tổng là 500.000.000 đồng, chứ ông S không trực tiếp yêu cầu bà Đào và bà Vân trả nợ. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà H không yêu cầu bà Đào và bà Vân trả nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét, trường hợp bà H hoặc ông S có yêu cầu bà Đào, bà Vân trả nợ thì sẽ được xem xét giải quyết trong vụ án khác. Ngoài ra, ông S yêu cầu chia cho bà H số nợ

500.000.000 đồng từ số nợ của Ngân hàng NNNNPTNTVN nhưng bà H không đồng ý nhận số nợ này. Ngân hàng NNNNPTNTVN cũng không có yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về chi phí tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCPNT VN được nhận lại số tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo phiếu thu ngày 24/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

[8] Về án phí sơ thẩm: Tại phiên tòa, bà H thống nhất tự nguyện chịu số tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng. Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và S dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử buộc bà Trịnh Thu H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Ngân hàng TMCPNT VN được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và S dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thu H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Quốc S.

2. Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Quốc S được quyền trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Trịnh Quốc D, sinh ngày V/B/N cho đến khi cháu Nguyễn Trịnh Quốc D đủ 18 tuổi. Bà Trịnh Thu H được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Quốc S không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung:

4.1. Nguyên đơn bà Trịnh Thu H không yêu cầu Toà án giải quyết. Bị đơn ông Nguyễn Quốc S yêu cầu chia nợ chung từ Ngân hàng NNNNPTNTVN nhưng

Ngân hàng NNNNPTNTVN không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4.2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCPNT VN về việc yêu cầu bà Trịnh Thu H và ông Nguyễn Quốc S có nghĩa vụ liên đới trả số nợ là 201.497.808 đồng và yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

5. Về chi phí tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCPNT VN được nhận lại số tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo phiếu thu ngày 24/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

6. Về án phí: Bà Trịnh Thu H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu Tạm ứng án phí, Lệ phí Toà án số 0008418 ngày 18/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ). Bà Trịnh Thu H đã nộp xong. Ngân hàng TMCPNT VN được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011566 ngày 05/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

8. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND khu vực 8 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 8 – Cần Thơ;
- UBND phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ (Theo GCNKH số 70 ngày 09/8/2019);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mến